

111-2妝一善課表
THỜI KHÓA BIỂU KỲ 111-2 LỚP HÓA MỸ PHẨM THIỆN NĂM 1

	一	二	三	四	五
第 1 節 0820-0910			時尚攝影 Chụp hình thời trang 莊維明 圖 506		
第 2 節 0920-1010		進階彩妝設計 Thiết kế trang diêm nâng cao 孫維岑 圖 911(造型)	時尚攝影 Chụp hình thời trang 莊維明 圖 506	時尚髮型設計(二) Tạo mẫu tóc thời trang 丁雅年 圖 901(美髮)	
第 3 節 1020-1110		進階彩妝設計 Thiết kế trang diêm nâng cao 孫維岑 圖 911(造型)	生活華語(一) Hoa ngữ đời sống 李芝媛 圖 506	時尚髮型設計(二) Tạo mẫu tóc thời trang 丁雅年 圖 901(美髮)	
第 4 節 1120-1210		進階彩妝設計 Thiết kế trang diêm nâng cao 孫維岑 圖 911(造型)	生活華語(一) Hoa ngữ đời sống 李芝媛 圖 506	時尚髮型設計(二) Tạo mẫu tóc thời trang 丁雅年 圖 901(美髮)	
第 5 節 1300-1350		美容衛生與法規 Quy định vệ sinh làm đẹp 萬文彬 圖 916	職場華語(一) Hoa ngữ nơi làm việc 林威誠 圖 506	時尚彩妝畫 Trang diêm thời trang 陳欣怡 圖 909(展演)	
第 6 節 1400-1450		美容衛生與法規 Quy định vệ sinh làm đẹp 萬文彬 圖 916	職場華語(一) Hoa ngữ nơi làm việc 林威誠 圖 506	時尚彩妝畫 Trang diêm thời trang 陳欣怡 圖 909(展演)	
第 7 節 1500-1550		體育 Thể dục 鄭俊雄	進階華語(一) Hoa ngữ nâng cao 林威誠 圖 506	時尚彩妝畫 Trang diêm thời trang 陳欣怡 圖 909(展演)	
第 8 節 1600-1650		體育 Thể dục 鄭俊雄	進階華語(一) Hoa ngữ nâng cao 林威誠 圖 506		